

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-ST

Ngày: 23-6-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Mỹ Diệu;

Ông Nguyễn Văn Thượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Trang Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2020/TLST-DS, ngày 12 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim A, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ 4, ấp HP, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, ấp T, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; tạm trú tại: Tổ 1, ấp D, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Kim A trình bày:

Ngày 20-11-2018 bà có cho chị Nguyễn Thị Đ vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 02%/tháng (tức 20.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng), thời hạn trả nợ 03 tháng, kể từ ngày vay, mục đích vay kinh doanh quán ăn. Từ khi vay cũng như đến hạn trả nợ, chị Đ không thực hiện như thỏa thuận, bà có nhắc nhở nhiều lần nhưng chị Nguyễn Thị Đ cố tình tránh né, kéo dài cho đến nay. Do đó, nay bà khởi kiện yêu cầu một mình chị Đ có nghĩa vụ trả

cho bà số tiền vay gốc 25.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi, theo mức lãi suất 0,75%, kể từ ngày 20-11-2018 đến ngày khởi kiện là 18 tháng, thành tiền 3.375.000 đồng. Ngày 04-6-2020, tại biên bản về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà rút lại phần yêu cầu tính tiền lãi, chỉ yêu cầu chị Đ trả số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28-5-2020 chị Nguyễn Thị Đ có ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Chị thừa nhận trong năm 2018 có vay tiền của bà Huỳnh Thị Kim A nhiều lần, không ghi giấy nợ, đến ngày 20-11-2018 chị và bà Kim A thống nhất, chị còn nợ tổng cộng số tiền 25.000.000 đồng, có cả tiền nợ gốc, nợ lãi; lãi suất thỏa thuận 10%/tháng (tức 1.000.000 đồng/tháng/10.000.000 đồng). Chị có ghi giấy nhận nợ giao cho bà Kim A nhưng chỉ ghi “...có nợ bà Kim A số tiền 25.000.000 đồng...” mà không ghi trong đó có tiền lãi. Sau khi chót nợ, chị có trả góp cho bà Kim A mỗi ngày 50.000 đồng, từ ngày 07-11-2019 đến ngày 27-12-2019 (âm lịch), tổng số tiền bao nhiêu chị không nhớ, khi trả không có ghi giấy và cũng không có ai chứng kiến.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà Kim A, chị đồng ý trả cho bà Kim A số tiền 25.000.000 đồng, không đồng ý trả thêm tiền lãi phát sinh, vì trong số tiền 25.000.000 đồng đã có tiền lãi.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim A là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim A đối với chị Nguyễn Thị Đ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc chị Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Kim A số tiền 25.000.000 đồng. Ghi nhận bà Kim A không yêu cầu tính tiền lãi suất.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị Kim A là nguyên đơn và chị Nguyễn Thị Đ là bị đơn trong vụ án vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Kim A và chị Đ.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim A yêu cầu chị Nguyễn Thị Đ trả số tiền vay 25.000.000 đồng (theo giấy nhận nợ ghi ngày 20-11-2018) và không yêu trả tiền lãi; chị Nguyễn Thị Đ thừa nhận có nợ bà Kim A số tiền 25.000.000 đồng, nhưng trong đó có tiền lãi, chị đồng ý trả cho bà Kim A số tiền này, không đồng ý trả thêm tiền lãi phát sinh.

[2.1] Xét thấy, khi nộp đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Kim A cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm 01 giấy nhận nợ có nội dung “*Ngày 20-11-2018 tôi Nguyễn Thị Đ có mượn của bà Kim A số tiền 25.000.000 đồng, 03 tháng trả*” do chị Đ viết và ký tên; chị Đ thừa nhận chứng cứ do bà Kim A cung cấp là đúng nên căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

Xét lời trình bày của chị Đ về số tiền nợ 25.000.000 đồng, trong đó có tiền lãi là không có căn cứ, vì theo chứng cứ là giấy nhận nợ trên chỉ ghi “*Ngày 20-11-2018 tôi Nguyễn Thị Đ có mượn của bà Kim A số tiền 25.000.000 đồng, 03 tháng trả*” không thể hiện nội dung có tiền lãi; trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ cũng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh nên bà Kim A trình bày là có căn cứ. Tuy nhiên, bà Kim A chỉ yêu cầu một mình chị Đ trả số tiền nợ trên, chị Đ cũng đồng ý trả theo yêu cầu của bà Kim A nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Ngày 04-6-2020, bà Kim A tự nguyện rút lại phần yêu cầu đòi với tiền lãi 3.375.000 đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của bà Kim A.

[3] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim A đối với chị Nguyễn Thị Đ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc chị Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Kim A số tiền vay 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng. Ghi nhận bà Kim A không yêu cầu ai khác cùng chị Đ có nghĩa vụ trả số tiền trên và không yêu cầu trả tiền lãi suất.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Kim A được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim A đối với chị Nguyễn Thị Đ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc chị Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Kim A số tiền vay 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng. Ghi nhận bà Kim A không yêu cầu ai khác cùng chị Đ có nghĩa vụ trả số tiền trên và không yêu cầu trả tiền lãi suất.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của bà Kim A đối với tiền lãi 3.375.000 (ba triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23-6-2020) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 1.250.000 (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị Kim A được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Kim A và chị Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC.THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc